

DU-GIÀ LUẬN KÝ

QUYỂN 11 (Phần Cuối)

BẢN LUẬN QUYỂN 46

Dưới đây là thứ mười lăm, giải thích về Ô-Đà-Nam. Nếu nói chữ Ớt, thì phải cải chính. Ngữ xưa không đúng. Gọi là bốn Ưu-Đà-Na, dịch là Ấn, nay dịch là Thuyết, tức Đức Thế tôn thường tụng, nói, nghĩa này giống như “Vô vấn tự thuyết.” Tùy theo bên cạnh nghĩa dịch cũng được gọi là Ấn. Hoặc gọi là nghĩa tổng, lược. Hoặc gọi là tướng tiêu biểu. Như nói “Vô thường là nói tiêu biểu của hữu vi, khổ là tướng tiêu biểu của pháp hữu lậu. Vô ngã là tướng nêu của tất cả pháp. Niết-bàn vắng lặng là tướng tiêu biểu của pháp vô vi.

Nếu gọi là Ớt-Đà-Nam thì gọi là Tập thí, tức gọi là Ô-Đà-Nam, nên là tướng nêu.

Trong văn,

1) nêu số, nêu danh.

2) Giải thích nghĩa Ô-Đà-Nam.

3) Dựa vào bốn nghĩa, giải thích theo thứ lớp.

Dùng ba nghĩa để giải thích Ô-Đà-Nam.

Rằng, nghĩa của pháp tương ứng, nghĩa là Vô thường tương ứng v.v... với pháp hữu vi.

Xoay vần giảng nói. Nghĩa là Chư Phật quá khứ đã nói bốn pháp này, truyền đến hiện tại. Chư Phật hiện tại nói bốn pháp này, sẽ truyền đến vị lai. Phạm phu nương tựa, tìm kiếm dấu ấn của bốn hạnh này, có thể hưởng về quả thù thắng của người, trời, gọi là thu hưởng Đại sinh, bậc thánh nương tựa, tìm kiếm dấu ấn bốn hạnh này, sẽ được thoát ly ba cõi, gọi là xuất thứ nhất.

Có giải thích “Đầu tiên, trong nghĩa Vô thường, là hỏi, giải thích, kết.

Trong giải thích có hai “Đầu tiên, là y cứ ở Biến kế sở chấp để giải thích về Vô thường, luận Trang Nghiêm nói “vì nghĩa vô là nghĩa

Vô thường, vì tướng phân biệt rốt ráo là không.”

“Lại, tức quán pháp kia...” trở xuống, là thứ hai, y cứ pháp nhân duyên của y tha, nhằm giải thích nghĩa Vô thường, trong đó có ba:

- 1) Quán tự tánh của y tha vô thường.
- 2) Y cứ ba đời để nói về Vô thường.
- 3) Đến bốn tướng, để nói Vô thường.

Đầu tiên nói rằng “Cho đến không hiểu biết (Vô minh) là nhân sinh, diệt có thể được v.v... Luận sư Cảnh nói “ở đây nói về tự tánh y tha không thể nói năng, như mắt chứng sắc, cho đến thân được cảm xúc không thể nói năng, như uống nước lạnh. Người chứng tự biết. Nếu nói năng, tất nhiên, sẽ không thích hợp với những gì mình đã chứng. Tự tướng các pháp nhân duyên đều như thế. Nếu muốn Khởi nói, chỉ nói cộng tướng, nghĩa là nói chung về sắc, tức là nói tất cả thể của sắc đều cùng tận. Nếu nói màu xanh, tức nói, tất cả màu xanh đều cùng tận. Như một niệm nhân căn thấy một Niệm sắc, như thế, tự tướng sát-na dứt ngay, nói không thể được.

Do không thể biết rõ tự tánh của hình tướng, ngôn thuyết, chỉ tùy theo ngôn thuyết ấy chấp có tánh cố định biến kế sở chấp. Khi chấp như thế, sẽ huân tập hạt giống trở thành hạt nhân sinh ra pháp sắc, tâm v.v... của y tha kia, có sinh thì có diệt, nên gọi là Vô thường.

Luận sư Trắc nói “Do không biết rõ hai thứ chân thật: Tánh như sở hữu và bốn thứ chân thật thế gian, nên khởi chấp các pháp Vô minh hí luận, khởi lên năm uẩn hữu lậu của các thế gian sinh, diệt có thể được.

Kế là, quán các hành Vô thường của ba đời, do các hành kia không có nhân để được, cũng không có tự tánh, nghĩa là nói các hành quá khứ kia không có tự thể tánh, nghĩa là nói các hành quá khứ kia không có tự thể tánh, cũng không có khả năng sinh ra nhân.

Luận sư Trắc nói “trong văn này phương Tây có hai giải thích:

1) Rằng “Về đạo lý của pháp tướng đối với một pháp hiện tại, Kiến lập ba đời, nghĩa là trên hiện pháp, vì đã từng không có, nên gọi là vị lai. Vì đương lai không có, nên gọi là quá khứ. Vì đã có chưa diệt, nên gọi là hiện tại. Đây là y cứ ở đạo lý thắng nghĩa. Nếu theo đạo lý thế Tục, thì cũng được nói là quá khứ, vị lai cũng có, vì từng sẽ có. Y cứ theo đạo lý này, đều được nói là “có”, “không”, cũng có, cũng không có, chẳng phải có, chẳng phải không. Đây là nghĩa của Luận sư nhằm phá y cứ ba pháp, ba đời đều có thật thể.

2) Lý Duy thức lập ra ba đời, nghĩa là trên thể của Kiến phần ở hiện tại có tướng của ba đời mà được biểu hiện rõ ràng, nên nói là ba

đời, y cứ sự thật là thuộc về hiện tại.”

Hỏi “Quá khứ, vị lai v.v... đều là không vì sao là Vô thường, ba tạng có hai giải thích:

a/ Vị lai vốn là không, vì là sẽ có nên gọi là vô thường,

b/ quá khứ cũng là không, vì từng là có, nên gọi là Vô thường.”

Rằng “Sẽ có, gọi là Vị lai. Lúc đang có, vì “sẽ có”. Không có, nên gọi là Vô thường. Trở lại không có, gọi là quá khứ. Chính khi đang có vì trở lại không có, nên gọi là quá khứ Vô thường.

Trong quán bốn tướng, 1) Nói về bốn tướng. 2) rộng phá chấp của người ngoài.

Trong phần trước, nói, mỗi sát-na đều có ba tướng. Sau sát-na, lại có tướng hữu vi thứ tư. Luận sư Cảnh nói “Ba tướng hiện tại, đồng với nghĩa Thế, nói là quá khứ của tướng diệt.”

Hỏi “Nếu vậy, thì trái với thuyết của kinh nói tức sinh, tức già, tức diệt sao?”

Giải thích “chưa hẳn bốn tướng đồng thời gọi là “tức”. Nay, nói lập, tức là pháp sinh này sẽ diệt hoại, không còn có pháp nào khác, nên nói là “tức”.

Luận sư Trắc nói “Thuật lại hai giải thích của phương Tây:

1) “Ba tướng không có trước, sau. Cho nên, tướng sinh của Đạo Vô ngại, tức khi pháp “hoặc” diệt, chẳng phải cho là cùng một lúc mà cả hai pháp đều biểu hiện.”

2) “Ba tướng có trước, sau, nghĩa là sinh và trụ, dị. Tướng sinh cùng một thời gian với tướng trụ. Cho nên, tướng trụ của pháp “hoặc”, đạo Vô ngại ở tướng sinh đều ở đời hiện tại, vì ba tướng ấy đều ở trong sát-na hiện tại tướng Diệt thứ tư ở quá khứ, nên nói trong mỗi sát-na v.v...”

“Tức ở trong đây, cho đến chánh quán là diệt.” Nghĩa là duyên sinh mới, cũ, chứ chẳng phải là các hành ở trước, nay lại nói là sinh. Pháp sư Khuy Cơ nói “Nếu tức hiện tại đồng thời với Dị mà gọi là Diệt, thì Diệt là không có pháp, còn Trụ, Dị là có pháp. Làm sao có pháp đều cùng lúc cũng không có pháp? Cho nên, Luận này nói rằng “Từ các hành sau khi sinh sát-na, tức tự tánh của các hành sát-na đã sinh này diệt hoại, chính thức nói là Diệt, tức do có pháp không có khi nào đến thời quá khứ mới lập tướng Diệt, cho nên, sinh, diệt, sáng, tối mà không đồng thời.”

Hỏi “Nếu như vậy, thì một sát-na không có bốn tướng?”

Nghĩa là “Pháp này diệt, là khi pháp này sinh, như hai đầu cán

cân đều ngang bằng nhau, cho nên, một sát-na có sinh, có diệt.”

“Nếu vậy, thì vì sao trước diệt, sau nói sinh ư?”

Nghĩa là “ Vì từ đầu tiên nói, do lúc đầu phải có sinh.”

Hỏi “Trong các kinh đều nói ba tướng hữu vi, ba là gì?”

Nghĩa là “Có hai nghĩa:

1) Đem trụ vào Dị, vì trụ giống như vô vi. Lại, nếu nghe nói các pháp có Trụ thì sẽ nhầm chán hữu vi, vì tâm không mạnh mẽ. Lại, Trụ có thể lôi kéo pháp sinh sau, thì đối với Diệt sẽ không có công dụng, nên sáp nhập Trụ vào Dị.

2) Nói đem Dị nhập trụ. Trụ đối với sát-na của mình vì có công năng, nên sinh rồi, chưa hư hoại, nói là Trụ, nên có công năng, nói Dị là khác với pháp trước. Vì đối với niệm của mình không có công năng, nên sáp nhập Dị vào Trụ. Dị thuận với tự tánh không hiển lộ của tướng Diệt, cho nên sáp nhập Dị vào Trụ.

Nếu vậy, thì sao không sáp nhập Dị vào Diệt?

Nghĩa là “Vì Dị có pháp, còn Diệt là không có pháp. Một là quá khứ, một là hiện tại. Về tướng mạo dù có giống nhau, nhưng không thể nhiếp nhập tướng Diệt.”

Nay, lại có giải thích “Tướng Diệt y cứ ở phần vị, dù ở quá khứ mà giả lập làm tướng, cũng ở hiện tại lúc sắp diệt, vì có sinh thì phải có diệt. Tiểu biểu Vô vi sau hiện pháp này, pháp này là tướng Diệt. Do nghĩa này nên một sát-na có đủ bốn tướng. Nhưng trong luận này y cứ thật sự không có phần vị để nói. Cho nên nói rằng “Ở sau sát-na, lại có thứ tư.”

Dưới đây, là phần thứ hai rộng phá chấp của người ngoài:

Nếu theo Tát-bà-đa thì, ngoài pháp, có riêng thể của bốn tướng chẳng phải sắc, chẳng phải tâm. Thể riêng đồng thời, mà dụng có trước, sau.

Nếu theo luận Thành Thật , thì Thể đồng, mỗi thời gian đều lia các pháp sắc, tâm v.v... không có bốn tướng riêng, nên nói là Thể đồng. Nhưng mới sinh, kế là Trụ, cuối cùng Dị, sau Diệt, nên gọi là thời gian khác nhau.

Nay, Đại thừa nói “Nếu giả, thật, khác thường, dụng hợp, gốc khác, thì tướng ngôn thuyết khác với pháp, không đồng với Luận Thành Thật. Nếu tìm kiếm giả không là Thật, tìm kiếm quả không là nhân, thì ngoài pháp ngôn thuyết không có bốn tướng riêng, không đồng với pháp Tát-bà-đa. Lại, ba tướng đồng thời, không đồng với Thành thật hoàn toàn khác thời, sinh, diệt trước, sau, không đồng với Tát-bà-đa hoàn

toàn bốn tướng thường đồng thời.

Văn chia làm hai:

1) Y cứ hai tướng lớn, nhỏ để phá thật có.

2) “Lại, người Thiện nam...” trở xuống, là y cứ ở quán giả có, để thành phá thật có.

Trong phần trước có hai:

1) Lược phá bốn tướng ngoài pháp.

2) “Bốn thứ như thế...” trở xuống, là phá rộng bốn tướng ngoài pháp, trong đó, gồm có:

a) Sắp phá, trước phải, bày tỏ chánh nghĩa.

b) “Trong đây, Bồ-tát...” trở xuống, là phá chấp tà trong đó có hai:

1) Nói về quán chung chẳng phải thật

2) “Lại, các Bồ-tát...” trở xuống, là dùng lý để gạt riêng, để phá thật có.

Trong phần trước nói “Vì sao cho đến không có riêng sinh, già, trụ, diệt khác.” Pháp sư Khuy Cơ nói “Vì sao không đồng như đây? Lại, nêu bốn tướng, là dùng pháp nhiếp để ngăn ngừa pháp. Nếu pháp nhiếp vì nhiếp lẫn nhau, nên chỉ nói các hành sinh, cho đến các hành Trụ, già, Diệt. Nếu pháp ngăn ngừa thì cần phải ngăn ngừa, vì có thể của bốn tướng riêng. Vì pháp ngăn ngừa khắp, nên nêu chung bốn tướng.”

Hỏi “Vì sao trong ngăn ngừa Sinh, cho đến Trụ, Diệt cũng thế ư?”

Nghĩa là “Vì trong Trụ cũng có Sinh. Do lúc Sinh có Trụ v.v... nên Đại sinh sinh ra tám pháp v.v... cho nên, ngăn ngừa khắp.

Trong văn thứ hai, chia làm hai:

1) Y cứ bốn tướng để phá thật có.

2) “Nếu pháp Diệt...” trở xuống, là y cứ riêng tướng Diệt, để phá thật có.

“Như thế, tìm câu không thể được”, nghĩa là nếu lia các hành v.v... của các sắc v.v... kia, thì phá cái sinh của sinh sắc này lẽ ra cũng có sinh, tức Tiểu sinh (sinh nhỏ) trong Tiểu thừa. Nếu nói là một cho đến không hợp với đạo lý. Sinh nhỏ sinh ra bản sinh mà là một với Đại sinh (sinh lớn). Cũng sinh lớn sinh ra các hành, tức là một với các hành. Cho nên, chấp có Sinh riêng, tức gọi là Vô ích (hoang đàng), cho đến không hợp với đạo lý.

Nếu nói Dị là to lớn thì không hợp lý, nghĩa là Tiểu sinh đối với Thế, tướng của Đại sinh đều khác mà sinh ra Đại sinh ấy thì lẽ ra Tiểu

sinh phải khác với hành, mà thật sự có thể sinh ra thể của hành, vì điều khác nhau, nên không hợp lý.

Pháp sư Khuy Cơ giải thích “Chẳng phải hành sinh, sinh là Tiểu sinh. Là Hành sinh, sinh tức Đại sinh. Nếu ông nói Đại sinh khác với Tiểu sinh cũng sẽ giống với Đại sinh, nên có thể sinh ra sắc. Đại sinh sinh ra sắc, pháp, cũng có thể sinh ra Tiểu sinh. Tiểu sinh sinh ra Đại sinh, lẽ ra cũng sẽ sinh ra pháp. Cho nên, Tiểu sinh chẳng phải là hành sinh sinh ra, cho nên, hai sinh khác nhau thì không hợp với đạo lý. Dưới đây, phá riêng tướng Diệt:

Ý cho rằng: “Nếu các tướng Diệt khác với tánh của hành mà tiêu diệt các hành ấy là tức một tướng Diệt sinh ra tất cả pháp lẽ ra diệt, vì thể của nó khác mà vì tướng Diệt. Thí như ánh sáng sinh, tất cả bóng tối diệt. Như thế thì lẽ ra ít dùng công sức có thể diệt các hạnh. Như nhập Diệt định, các tâm, tâm pháp tất cả đều diệt. Lại, trước do tướng diệt sinh, nên các hành diệt theo, tức do tướng Diệt Diệt, nên trước Diệt các hành, tức lẽ ra sinh trở lại, do không có pháp trái nhau. Pháp sư Khuy Cơ nói “Chia văn này là phần thứ hai phá riêng tướng diệt là không đúng. Nếu giải thích sinh kia sinh ra thì so sánh với tướng khác đã xong. Dưới đây, là nêu Diệt sau để phá, nói chung là một cách dịch.

Y cứ vào quán giả có thứ hai, thành phá thật có, nghĩa là “Lại, người thiện nam, đối với pháp ba đời, nếu là thật có mà quán là giả, sẽ được giải thoát thì không hợp lý, đây là giải thích ngược lại.

Với tướng vi này là hợp lý, nghĩa là do pháp của ba đời giả, thì vì quán biết giả, nên được giải thoát. Trong giải thích Vô ngã nói rằng “Biết rõ hai tánh Vô ngã của các pháp, nghĩa là Cự luận rằng “Đối với tất cả pháp hữu vi, vô vi, vô ngã, ngã, ngã sở. Biết như thật chúng sinh Vô ngã là pháp Vô ngã, tương truyền giải thích rằng “Vô ngã nghĩa là nhân Vô ngã; ngã; ngã sở là pháp Vô ngã. Nay, thì không như thế. Nói chẳng phải có pháp, cũng chẳng phải lìa có pháp, nghĩa là phá thì chấp uẩn khác chấp ngã.

Trong giải thích Niết Bàn vắng lặng, trước là pháp, kế là dụ. Trong pháp, gồm có:

- 1) Giải thích danh Niết-bàn.
- 2) Phát ra thể Niết-bàn.
- 3) Y cứ người để nói.

Nói nhân trước dứt hẳn, nghĩa là hữu dư này diệt. Vô dư sau diệt, nghĩa là Vô dư này diệt. Ngoài ra, rốt ráo không khởi, không sinh, nói là Niết-bàn, nghĩa là do nhân quả của sinh, tử, ngoài ra, sẽ Khởi nhập

phiền não khổ rốt ráo bất sinh nói là Niết-bàn. Lại, nhân trước đã dứt hẳn ở Đạo Vô gián. Vô dư sau diệt ở đạo giải thoát. Lại, nhân trước dứt hẳn ở gia hạnh khuất phục tâm trên. Vô dư sau diệt, dứt hạt giống. Ngoài ra, rốt ráo bất sinh, nghĩa là quả bất sinh, do dứt nhân. Kế là, là nêu thể. Dưới đây, y cứ nhập biện:

Bồ-tát Địa tiền chưa thấy Thanh văn, dù đối với Niết-bàn, miệng nói vắng lặng mà chưa thể chánh chứng. Nhưng Thanh văn kia cũng có tác ý như lý, nghĩa là cũng có tác ý tư lương dựa vào giáo pháp.

Kế dưới là nói về dụ, đầu tiên là nêu dụ Vương tử, kế là, nêu dụ người bệnh.

Trong phần trước, trước là dụ, sau là hợp. Trong thí dụ, có ba:

- 1) Dụ lấy giả làm chân.
- 2) Dụ nghe Chân, chưa hiểu.
- 3) Dụ giác Chân, hổ thẹn.

Nói nai, trâu, ngựa, voi. Có giải thích “Vì Nai thường ở núi, chậm, nên dụ cho Độc giác. Trâu, chậm, ngựa nhanh, dụ cho Thanh văn có chậm lụt, có nhạy bén. Voi, dụ cho Bồ-tát.”

Pháp sư Khuy Cơ nói “Dụ cho bốn Niết-bàn: Voi, dụ cho Niết-bàn Vô trụ. Ba Niết-bàn còn lại không có dẫn đạo. Nay, không lấy nghĩa để so sánh. Nghĩa là nai, trước, sau thường ở núi yên tĩnh, dụ cho bản lai tịnh. Vì trâu có sừng, nên dụ cho Hữu dư y, vì ngựa không có sừng, nên dụ cho Vô dư y.

Trong hợp lại có ba: Trong hợp thứ ba, bậc Thánh của ba thừa khi nhập Kiến đạo, chứng lý Chân như, tức gọi là trí hiện chứng ở Chân Niết-bàn.

Dụ người bệnh, nghĩa là nói về giáo pháp thích ứng với căn cơ. Trước dụ, sau hợp. Trong dụ có sáu:

- 1) Dụ ứng cơ cảm Thánh.
- 2) Dụ nghe giáo pháp, đổi chấp.
- 3) Dụ khuyên nghe pháp thù thắng.
- 4) Dụ chấp ở trước không bỏ.
- 5) Dụ nói giáo pháp cạn, sâu.
- 6) Dụ người ngu chưa hiểu.

Trong hợp có ba:

a) Hợp với dụ thứ năm ở trước, cũng có thể hợp chung với năm thí dụ ở trước.

b) Hợp với dụ thứ sáu

c) Nhân đó nói về niềm tin thanh tịnh.

Nói “Nếu vượt hơn thượng thượng, cho đến “kể cả cùng cực vượt hơn v.v...” Luận sư Cảnh nói “Ba câu đầu: Hạ, gọi là Chánh giáo. Đầu tiên, là nói tên “thượng”; Kế là, nói là vượt hơn trên (thượng), lúc cuối cùng, gọi là cùng cực trên.

Ba câu kế là, hạ gọi là truyền dạy, khiến người kia khởi hạnh, có hạ, trung, thượng phối hợp với ba câu này.

Ba câu sau: Hạ, gọi là dạy răn, khiến người kia có lỗi, là lỗi có ba, nghĩa là hạ, trung, thượng phối hợp với ba câu này.

Pháp giáo là chung, ba câu dưới là riêng.

Pháp sư Thái nói “Ba câu đầu là nói trong ba phẩm của Bồ-tát thừa, nghĩa là ba đạo: Kiến, Tu, Vô học. Ba câu kế là, là nói ba phẩm đạo của Duyên giác thừa. Ba câu sau là nói ba phẩm của phần thượng, trung. Kế là, là ba phẩm của phần trung trung, sau, là ba phẩm của phần hạ trung.

Pháp giáo chánh giáo. Nghĩa là phương tiện giáo, gọi là pháp giáo, căn bản giáo, gọi là Chánh giáo.

Pháp sư Khuy Cơ nói “Một giải thích về ba câu cùng cực trên v.v... là văn tuệ. Ba câu cùng cực sâu là tư tuệ. Ba câu cùng cực vượt hơn là tu tuệ. Trong ba Tuệ, mỗi Tuệ đều có thượng, trung, hạ. Lại, Pháp giáo, Chánh giáo là ba câu của ba phẩm cùng cực trên. Truyền dạy là ba phẩm của ba câu cùng cực sâu. Răn dạy là ba câu của ba phẩm cùng cực vượt hơn.”

Lại, trong ba tuệ trước, mỗi tuệ đều có phẩm của ba câu pháp giáo, chánh giáo v.v... theo thứ lớp phối hợp.
